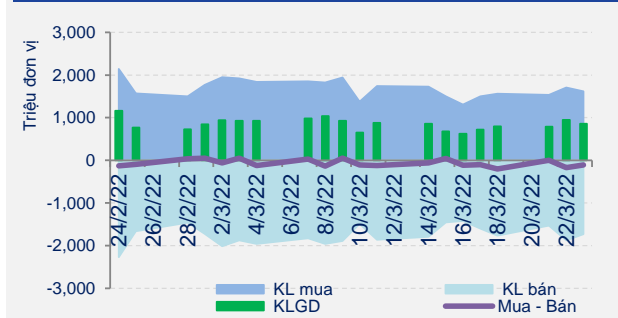
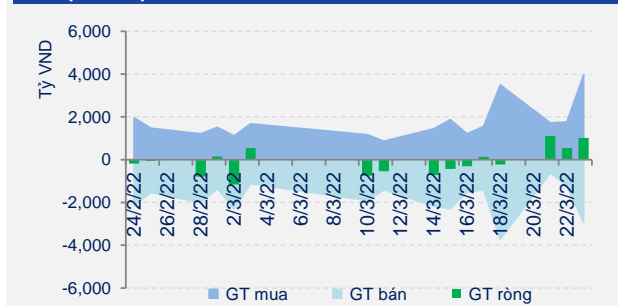


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/3/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,502.34	462.10
% Thay đổi	↓ -0.10%	↑ 0.16%
KLGD (CP)	861,130,432	132,935,843
GTGD (tỷ đồng)	28,037.60	4,175.92
Tổng cung (CP)	1,726,976,300	203,876,400
Tổng cầu (CP)	1,616,339,800	162,281,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	57,108,234	519,800
KL mua (CP)	73,216,209	674,913
GT mua (tỷ đồng)	3,940.91	23.46
GT bán (tỷ đồng)	2,920.91	19.35
GT ròng (tỷ đồng)	1,020.00	4.11

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.27%	21.7	3.6	1.4%
Công nghiệp	↑ 0.15%	23.4	3.2	21.1%
Dầu khí	↓ -1.60%	19.4	2.1	2.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.48%	-	11.2	3.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.45%	16.4	2.6	0.9%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.03%	19.1	3.6	9.3%
Ngân hàng	↓ -0.24%	12.4	2.4	8.9%
Nguyên vật liệu	↑ 1.15%	10.6	2.6	18.6%
Tài chính	↓ -0.27%	21.9	3.3	31.4%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.99%	18.3	2.8	2.3%
VN - Index	↓ -0.10%	17.4	3.2	
HNX - Index	↑ 0.16%	22.3	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Chứng khoán Mỹ hồi phục khá tốt trong phiên đêm qua đã có tác động tích cực đến tâm lý nhà đầu tư tại thị trường Việt Nam giúp các chỉ số tăng khá tốt trong phiên giao dịch sáng. Nhưng về chiều, áp lực bán gia tăng đã khiến cho chỉ số VN-Index và VN30 kết phiên trong sắc đỏ. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 1,44 điểm (-0,1%) xuống 1.502,34 điểm. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 260 mã giảm (1 mã giảm sàn), 50 mã tham chiếu, 192 mã tăng (17 mã tăng trần). Nhóm vốn hóa lớn thuộc VN30 (-0,52%) có diễn biến tiêu cực hơn thị trường chung với 22/30 mã kết phiên trong sắc đỏ, có thể kể đến GAS (-2,3%), PNJ (-1,8%), PLX (-1,4%), HDB (-1,1%), PDR (-1,1%), TPB (-1,1%), VRE (-1,1%), MSN (-1%), VHM (-1%), VIC (-1%), VNM (-1%)... Cổ phiếu ngân hàng sau vài phiên tăng liên tiếp để kéo thị trường đã bị chốt lời trong phiên hôm nay khiến hàng loạt mã giảm trở lại STB (-0,1%), VPB (-0,5%), MBB (-0,9%), SHB (-0,5%), TCB (-0,6%), LPB (-0,9%), CTG (-0,5%), BID (-0,2%)... Nhóm cổ phiếu chứng khoán có sự phân hóa với VIX (+3,4%), SHS (+1,9%), TVC (+0,9%), HCM (+0,7%), APG (+1,4%)... là bên tăng; trong khi SSI (-0,3%), VND (-0,6%), VCI (-1,2%), TVB (-0,4%), ART (-0,9%)... giảm. Tích cực nhất trong phiên hôm nay có lẽ là nhóm bảo hiểm với gần như toàn bộ các cổ phiếu đều kết phiên trong sắc xanh BVH (+0,9%), MIG (+6,2%), BMI (+1,2%), PVI (+3,6%), ABI (+1,9%), PGI (+5,3%), BIC (+4,4%)...; chỉ có PTI (-1,5%) là giảm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau sáu phiên tăng liên tiếp thì cuối cùng thị trường đã điều chỉnh nhẹ trở lại trong phiên hôm nay. Thanh khoản khớp lệnh có sự suy giảm và thấp hơn mức trung bình 20 phiên một chút cho thấy là áp lực bán ra trong phiên hôm nay không thực sự mạnh. Điểm tích cực là việc khối ngoại mua ròng phiên thứ ba liên tiếp với hơn 1.000 tỷ đồng trên hai sàn. Trên góc độ kỹ thuật, với phiên giảm nhẹ này thì xu hướng tăng của VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi với việc chỉ số này vẫn kết phiên trên ngưỡng tâm lý 1.500 điểm cũng như vùng hỗ trợ 1.485-1.490 điểm (MA20-50). Do đó, chúng tôi vẫn lạc quan về xu hướng hiện tại và trong phiên giao dịch tiếp theo 24/3, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tiếp theo quanh 1.520 điểm (đỉnh tháng 2/2022). Những nhà đầu tư đã tham gia mua vào trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm vào tuần trước có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/3/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong phần lớn thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và duy trì được cho đến đầu phiên chiều, với mức cao nhất trong phiên tại 1.513,9 điểm. Nhưng ngay sau đó, áp lực bán gia tăng đã khiến chỉ số đảo chiều từ tăng sang giảm, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.501,67 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 1,44 điểm (-0,1%) xuống 1.502,34 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS giảm 2.700 đồng, VHM giảm 800 đồng, VIC giảm 800 đồng. Ở chiều ngược lại, GVR tăng 750 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giao dịch với sắc xanh trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 465,59 điểm. Nhưng cũng có thời điểm, chỉ số giảm nhẹ xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 460,86 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,75 điểm (+0,16%) lên 462,1 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: NVB tăng 2.800 đồng, SHS tăng 800 đồng, THD tăng 200 đồng. Ở chiều ngược lại, HUT giảm 4.900 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 1.020 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 16,1 triệu cổ phiếu. DGC là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 310 tỷ đồng tương ứng với 1,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là MSN với 152,5 tỷ đồng tương ứng với 1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VNM là mã bị bán ròng nhiều nhất với 89,1 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 3,44 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 155 nghìn cổ phiếu. HUT là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 14,5 tỷ đồng tương ứng với 311,8 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là TVD với 1 tỷ đồng tương ứng với 54,3 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 5,5 tỷ đồng tương ứng với 51,2 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index điều chỉnh nhẹ sau 6 phiên hồi phục liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Điều này cho thấy là áp lực bán trong phiên hôm nay là không thực sự mạnh.

Phân tích kỹ thuật theo lý thuyết sóng Elliott thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm nhẹ hôm nay (-0,1%) thì xu hướng tăng của chỉ số VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi khi mà chỉ số này vẫn kết phiên trên ngưỡng tâm lý 1.500 điểm và vùng hỗ trợ trong khoảng 1.485-1.490 điểm (MA20-50).

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 24/3, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tiếp theo quanh 1.520 điểm (đỉnh tháng 2/2022).

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần lùi về vùng hỗ trợ 1.485-1.490 điểm (MA20-50) để tìm kiếm lực cầu giá thấp.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Giảm thuế môi trường với xăng, dầu từ 1/4

Ủy ban Thường vụ Quốc hội vừa đồng ý giảm 2.000 đồng thuế môi trường trên mỗi lít xăng từ 1/4 đến hết năm nay, theo đề nghị của Chính phủ. Dự kiến, ngân sách Nhà nước hụt thu từ thu thuế bảo vệ môi trường với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm nay hơn 29.000 tỷ đồng. Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đề nghị Chính phủ, Bộ Tài chính có phương án tính toán tăng thu lĩnh vực khác.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước đi ngang	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 67,9 - 68,6 triệu đồng/lượng, tăng 250.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng	Ngày 23/3, tỷ giá USD trung tâm được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam niêm yết ở mức 23.147 đồng/USD, tăng 4 đồng mỗi USD so với cuối tuần trước.

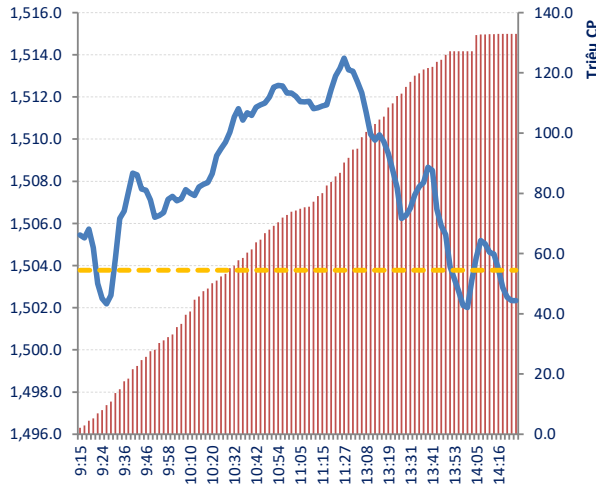
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 5,5 USD/ounce tương ứng với 0,29% lên 1.927 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,087 điểm tương ứng 0,09% lên 98,610 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1012 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3240 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 120,94 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,73 USD/thùng tương ứng với 0,67% lên 109,97 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 22/3, Dow Jones tăng 254,47 điểm tương ứng với 0,74% lên 34.807,46 điểm. Nasdaq tăng 270,36 điểm tương đương 1,95% lên 14.108,82 điểm. Nasdaq Composite tăng 50,43 điểm tương đương 1,13% lên 4.511,61 điểm.

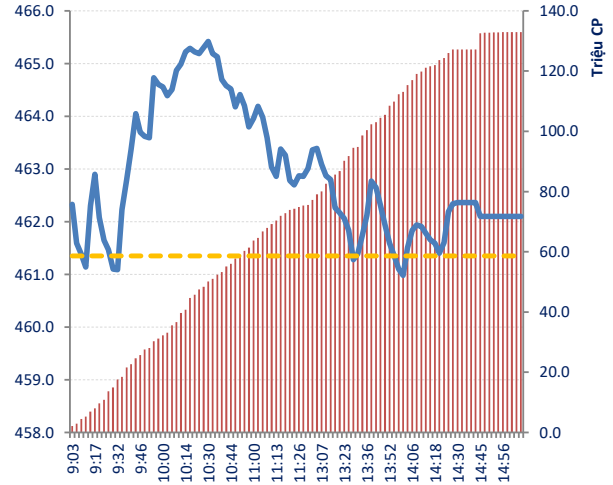


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

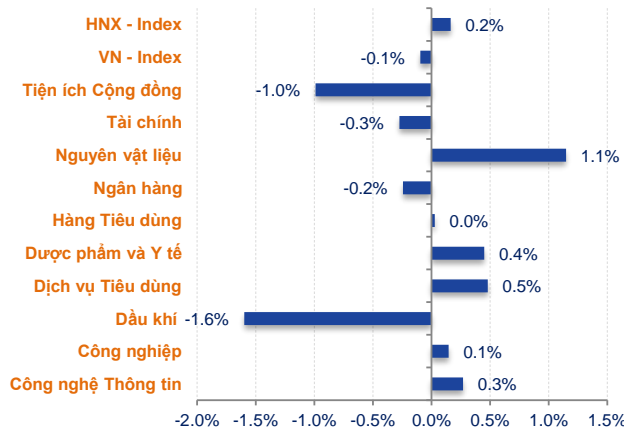
KLGD và VN-Index trong phiên



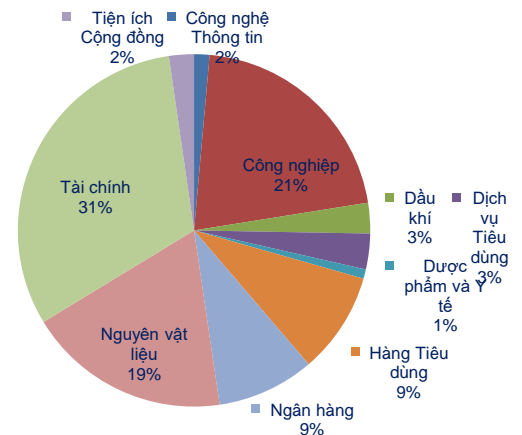
KLGD và HNX-Index trong phiên



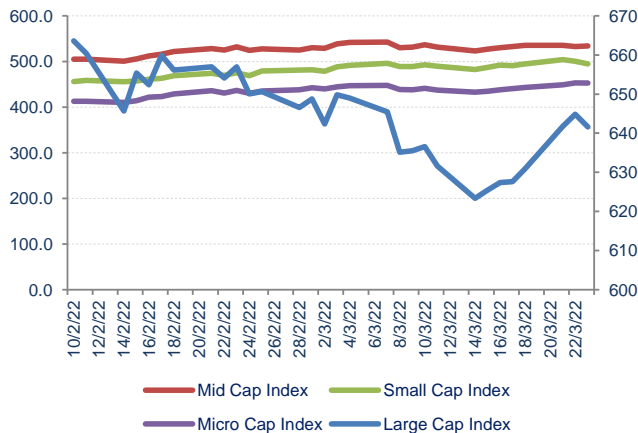
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



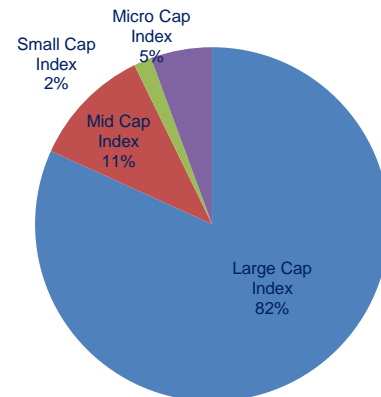
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	3,600,400	DCM	1,574,500
2	GEX	2,799,800	VNM	1,165,900
3	STB	2,546,500	VND	1,100,600
4	HPG	1,570,600	HPX	1,000,000
5	KBC	1,442,800	VCI	985,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HUT	311,800	NDN	131,700
2	HOM	61,100	PVS	56,300
3	TVD	54,300	VCS	51,200
4	HLC	34,900	EID	38,500
5	PGS	33,500	PLC	34,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HQC	9.07	9.70	↑ 6.95%	32,445,200
GEX	39.25	40.10	↑ 2.17%	31,516,300
ITA	16.70	17.50	↑ 4.79%	30,691,200
FLC	14.50	14.50	→ 0.00%	22,765,700
POW	16.50	16.90	↑ 2.42%	21,180,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HUT	49.80	44.90	↓ -9.84%	13,693,555
PVS	35.90	35.20	↓ -1.95%	10,458,339
TVC	23.00	23.20	↑ 0.87%	7,247,597
CEO	73.20	72.90	↓ -0.41%	6,337,804
SHS	42.30	43.10	↑ 1.89%	6,214,454

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QCG	14.30	15.30	1.00	↑ 6.99%
DGW	123.10	131.70	8.60	↑ 6.99%
DPR	78.90	84.40	5.50	↑ 6.97%
CLC	38.00	40.65	2.65	↑ 6.97%
TMS	97.60	104.40	6.80	↑ 6.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KST	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
CX8	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
PMP	27.10	29.80	2.70	↑ 9.96%
VNF	26.20	28.80	2.60	↑ 9.92%
PBP	35.50	39.00	3.50	↑ 9.86%

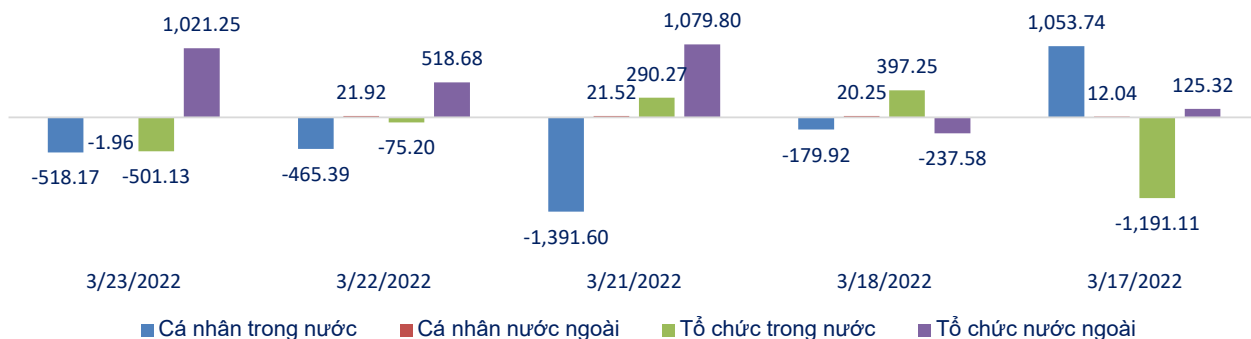
Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DQC	55.50	51.70	-3.80	↓ -6.85%
OGC	16.25	15.40	-0.85	↓ -5.23%
TDP	26.95	25.60	-1.35	↓ -5.01%
ACC	22.50	21.40	-1.10	↓ -4.89%
RIC	21.70	20.70	-1.00	↓ -4.61%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HTC	46.00	41.40	-4.60	↓ -10.00%
ECI	31.50	28.40	-3.10	↓ -9.84%
HUT	49.80	44.90	-4.90	↓ -9.84%
STC	24.00	21.70	-2.30	↓ -9.58%
SDG	31.80	29.00	-2.80	↓ -8.81%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	103.00	30.3%	5,042	15.3	4.5
CTD	76.25	0.3%	326	268.4	0.8
DCM	74.63	27.5%	3,623	12.3	3.1
FLC	70.67	0.7%	119	121.9	1.1
VIX	60.00	26.7%	3,697	6.3	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-275.64	45.9%	13,959	15.3	7.1
VPB	-154.66	17.0%	2,662	13.8	1.9
KBC	-96.74	5.8%	1,584	34.5	2.1
DPM	-83.46	32.9%	7,964	8.3	2.4
DIG	-67.14	15.3%	2,210	46.4	6.7

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDH	7.52	13.1%	1,931	27.3	3.3
VNM	7.50	30.3%	5,042	15.3	4.5
HPG	3.81	46.0%	7,708	6.1	2.3
PC1	3.48	12.5%	3,002	14.4	1.6
TPB	2.72	22.6%	3,207	12.6	1.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	-12.70	32.9%	7,964	8.3	2.4
DCM	-8.07	27.5%	3,623	12.3	3.1
SSI	-3.10	22.4%	3,045	14.6	3.2
VND	-2.03	19.6%	946	34.0	1.6
LCG	-1.80	8.7%	1,362	15.7	1.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	152.70	17.0%	2,662	13.8	1.9
NKG	56.94	50.0%	10,419	4.7	1.9
VCG	28.64	5.5%	965	46.9	2.6
DPG	27.93	22.5%	5,754	14.0	2.8
HPX	26.76	8.1%	951	32.2	2.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	-117.19	7.3%	1,490	26.3	1.6
MSN	-95.97	25.4%	7,269	20.4	4.1
FLC	-78.20	0.7%	119	121.9	1.1
FUEVFVND	-73.88	N/A	N/A	N/A	N/A
CTD	-68.23	0.3%	326	268.4	0.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	310.55	45.9%	13,959	15.3	7.1
MSN	154.07	25.4%	7,269	20.4	4.1
GEX	111.46	7.3%	1,490	26.3	1.6
FUEVFVND	101.97	N/A	N/A	N/A	N/A
STB	85.85	10.8%	1,855	18.4	1.9

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-96.50	30.3%	5,042	15.3	4.5
DCM	-62.81	27.5%	3,623	12.3	3.1
VCI	-58.82	18.0%	2,083	28.7	3.1
NVL	-53.75	8.8%	1,692	49.7	3.9
VND	-33.26	19.6%	946	34.0	1.6



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	32,445,200	0.1%	9	1,040.3	1.0
GEX	31,516,300	3250.0%	1,490	26.3	1.6
ITA	30,691,200	2.7%	311	53.7	1.4
FLC	22,765,700	0.7%	119	121.9	1.1
POW	21,180,800	5.6%	760	21.7	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	13,693,555	1.9%	240	207.5	4.6
PVS	10,458,339	4.7%	1,260	28.5	1.4
TVC	7,247,597	26.3%	5,456	4.2	1.1
CEO	6,337,804	2.7%	362	202.2	5.3
SHS	6,214,454	30.1%	5,707	7.4	2.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	↑ 7.0%	1.5%	235	60.7	0.9
DGW	↑ 7.0%	44.7%	7,476	16.5	6.1
DPR	↑ 7.0%	17.5%	10,783	7.3	1.4
CLC	↑ 7.0%	18.0%	5,167	7.4	1.3
TMS	↑ 7.0%	21.4%	7,611	12.8	2.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KST	↑ 10.0%	5.8%	657	24.4	1.4
CX8	↑ 10.0%	0.1%	10	903.6	0.7
PMP	↑ 10.0%	10.3%	1,601	16.9	1.8
VNF	↑ 9.9%	14.0%	2,976	8.8	1.2
PBP	↑ 9.9%	9.2%	1,209	29.4	2.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	3,600,400	N/A	N/A	N/A	N/A
GEX	2,799,800	7.3%	1,490	26.3	1.6
STB	2,546,500	10.8%	1,855	18.4	1.9
HPG	1,570,600	46.0%	7,708	6.1	2.3
KBC	1,442,800	5.8%	1,584	34.5	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	311,800	1.9%	240	207.5	4.6
HOM	61,100	0.2%	27	375.0	0.8
TVD	54,300	19.3%	2,300	8.3	1.6
HLC	34,900	21.2%	2,740	7.6	1.6
PGS	33,500	8.0%	1,587	17.1	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	401,791	21.3%	4,629	18.3	3.6
VHM	339,641	35.3%	9,036	8.6	2.6
VIC	313,506	-1.9%	(717)	-	2.0
GAS	220,104	17.1%	4,531	25.4	4.2
BID	220,046	12.7%	2,090	20.8	2.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	59,745	21.8%	2,805	60.9	9.4
KSF	32,550	9.0%	1,373	79.0	5.4
IDC	21,750	9.6%	1,508	48.1	4.6
NVB	18,987	0.0%	3	10,558.1	3.2
CEO	18,837	2.7%	362	202.2	5.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.56	1.6%	227	90.9	1.6
KHP	3.31	7.2%	836	21.4	1.5
LDG	2.86	4.4%	587	38.1	1.7
FTS	2.83	32.6%	5,774	9.2	2.8
CTS	2.80	8.7%	1,079	35.6	2.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.41	7.0%	343	40.8	2.8
ART	2.76	3.0%	350	33.5	1.0
CEO	2.76	2.7%	362	202.2	5.3
VC7	2.62	2.6%	354	71.2	2.4
L18	2.60	7.1%	935	68.0	4.5



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
